

DANH SÁCH THỰC TẬP SINH KỸ NĂNG
LIST OF TECHNICAL INTERN TRAINEE CANDIDATES

1. Thông tin cơ quan phái cử của Việt Nam/Information of Vietnamese Approved

Sending Organization:

Tên/Name: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ĐỈNH CAO

Số giấy phép/License No.: 1119

Tên người đại diện/Name of Representative: PHẠM CHÍ NGHĨA

Địa chỉ/Address: Số 242 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại/Tel: (024) 66556699

2. Thông tin đoàn thể giám sát của Nhật Bản/Information of Japanese Supervising

Organization:

Tên/Name: FUKUOKA FOOD PROFESSIONAL KYOUDOU KUMIAI

/福岡フードプロフェッショナル協同組合

Số giấy phép/License No.: 許1812000189

Tên người đại diện/Name of Representative: NAGAYAMA SEISHI /長山 清志

Địa chỉ/Address: 305 Goshitsu 3 Kai, San Izumi Biru, 1-30 Hie-cho, Hakata-ku,
Fukuoka-shi, Fukuoka-ken/福岡県福岡市博多区比恵町1-30サンいずみビル305号

Điện thoại/Tel: (+81) 92-409-8151

3. Thông tin cơ quan tiếp nhận của Nhật Bản/Information of Japanese Implementing

Organization:

Tên/Name: KABUSHIKIGAISHA NAGAYAMAFUZU FAKUTORI /株式会社

長山フーズファクトリー

Mã số pháp nhân/Corporate No.:

Tên người đại diện/Name of Representative: OZAWA TETSUYA /小澤 哲也

Địa chỉ/Address: 1-15-17 Matsushima, Higashi-ku, Fukuoka-shi, Fukuoka-ken
/福岡県福岡市東区松島1丁目15-17

Điện thoại/Tel: (+81) 92-612-1515

4. Thông tin về thực tập sinh kỹ năng/Information of Technical Intern Trainee

Candidates:

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	LE QUANG TRONG	15/11/2004	Nam/ Male		Agricultural pickle manufacturing industry (agricultural pickle manufacturing)	01/09/2024

2	NGUYEN NGOC AN	14/02/1991	Nam/ Male		Agricultural pickle manufacturing industry (agricultural pickle manufacturing)	01/09/2024
3	VU NGOC DAT	03/10/2003	Nam/ Male		Agricultural pickle manufacturing industry (agricultural pickle manufacturing)	01/09/2024
4	GIAP THI NHUNG	29/09/1995	Nữ/ Female		Agricultural pickle manufacturing industry (agricultural pickle manufacturing)	01/09/2024
5	TRUONG THI THU	25/10/2005	Nữ/ Female		Agricultural pickle manufacturing industry (agricultural pickle manufacturing)	01/09/2024
6	VU THI SIM	04/07/1988	Nữ/ Female		Agricultural pickle manufacturing industry (agricultural pickle manufacturing)	01/09/2024
7	NGUYEN THI HONG HA	03/12/2005	Nữ/ Female		Agricultural pickle manufacturing industry (agricultural pickle manufacturing)	01/09/2024

Ngày/Date 03 tháng/month 04 năm/year 2024

Chứng nhận bởi Cục Quản lý lao động ngoài nước/Approved by Department of Overseas
Labour – Dolab.